

# NGÀY XUÂN NHÌN LẠI 200 NĂM KÊNH VĨNH TẾ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI Ở HÀ TIÊN THỜI HỌ MẠC

■ ĐỖ KIM TRƯỜNG (\*)

*Theo sử triều Nguyễn, kênh Vĩnh Tế: “Ở bờ phía Tây sông Châu Đốc, phía Tây Bắc huyện Tây Xuyên 28 dặm, Sông này rộng bảy trượng năm thước, sâu sáu thước. Năm Kỷ Mão, Gia Long thứ 18 (1819) đo thẳng từ sau hào Đồn Hữu lên phía Tây vàm Ca Âm đến Kì Thọ là 250 dặm rưỡi, đặt tên là sông Vĩnh Tế, sai Trấn thủ Nguyễn Văn Thụy, Chuồng cơ Nguyễn Văn Tuyên lấy dân địa phương và dân phiên đào mở, từ năm Minh Mạng thứ nhất (1820) tới năm thứ năm (1824) mới xong. Sông dài 205 dặm rưỡi. Từ đó đường sông lưu thông, đối với kế hoạch phát triển đất nước, phòng giữ ngoài biên, nhân dân buôn bán, đều được hưởng lợi vô cùng”<sup>1</sup>.*

## 1. Về kênh Vĩnh Tế

Việc cho đào kênh Vĩnh Tế cũng như những kênh trước đó ở Nam Bộ, các chúa và vua triều Nguyễn đều nhằm đến ba mục tiêu (phát triển đất nước, phòng giữ ngoài biên, nhân dân buôn bán) như thư tịch vừa nêu. Đặc biệt, vùng đất Châu Đốc là địa đầu miền Tây Nam Bộ, tiếp giáp biên giới Chân Lạp. Vì thế nơi đây càng được nhà Nguyễn chú trọng.

Để chuẩn bị, tháng 7 năm Kỷ Mão (1819), vua sai Trấn thủ Hà Tiên Mạc Công Du (cháu nội của Mạc Thiên Tứ, con Mạc Tử Hoảng) đo đường sông Châu Đốc đến sông Giang Thành, rồi vẽ bản đồ dâng lên. Đến tháng 9, vua thấy trấn Vĩnh Thanh và Hà Tiên tiếp giáp với Chân Lạp, khi hữu sự không có đường thủy đi lại. Vì vậy muốn đào kênh nối Châu Đốc đến Hà Tiên. Khi đó, Đồng Phủ là Chiêu Chùy (chức

quan) của Chân Lạp đến châu, vua cho hỏi ý kiến. Đồng Phủ tâu, nếu đào sông ấy thì dân và vua Chân Lạp đều được nhờ, mong như thế. Sau khi có sự thỏa thuận của Chân Lạp, vua dụ thành thần Gia Định “đo từ phía Tây đồn Châu Đốc qua cửa Ca Âm, Cây Bàng, đến sông cũ hơn 200 dặm, tính công đào đất và lượng sức người. Sai Trấn thủ Vĩnh Thanh là Nguyễn Văn Thụy và Chuồng cơ Phan Văn Tuyên đốc suất dân phu 5.000 người và binh dân đồn Uy Viễn 500 người. Đồng Phủ quản suất dân Chân Lạp 5.000 người, đến tháng 12 khởi công đào”<sup>2</sup>. *Sử Cao Miên cũng chép việc này: “Nhà Vua bắt buộc nhiều ngàn dân Miên làm xâu đào một con kinh dài 53 cây số từ Hậu Giang đến vịnh Thái Lan, tên là kinh Hà Tiên. Công tác này bắt đầu từ năm 1815 đến năm 1820 đã làm hao hụt một số người. Nước Việt Nam cắt hẳn phần đất bờ phía Nam con kinh coi đó là ranh giới”<sup>3</sup>. Hai sử liệu triều Nguyễn đều*

(\*) Hội Khoa học lịch sử Đồng Tháp - SĐT: 0854701099 - Email: kimtruong.do@gmail.com

1. Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), Đại Nam nhất thống chí, Tập 2, Nxb Lao động – Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, tr 1759 – 1760.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn (2022), Đại Nam thực lục, Tập 1, Nxb Hà Nội, tr 997.

3. Lê Hương (1970), *Sử Cao Miên*, Nxb Khai Trí, tr 183 – 184.



Nguyễn Văn Hầu mô tả quá trình gian khó đó trong biên khảo của ông. Ở đợt đầu, từ rằm tháng Chạp năm Kỷ Mão (1819) đến rằm tháng 3 năm Canh Thìn (1820), Thoại Ngọc hầu huy động 5.000 nhân công là thường dân và binh lính. Cùng với 500 quân ở đồn Uy Viễn. Về phía Chân Lạp, có 5.000 dân xâu, binh lính cũng được trưng dụng. Người Việt đào trên nền đất cứng đoạn kênh dài 7.575 tấc. Người Khmer đào trên phần đất mềm được 18.704 tấc. Trong đó, đoạn qua Ca Âm là vùng trũng dài 4.075 tấc không phải đào. Để phóng tiêu đào kênh được thẳng, đợt đêm xuống, quan chỉ huy cho người rẽ sậy rạch hoang, đốt đuốc trên đầu những cây sào cao rồi nhắm theo đường thẳng mà cắm. Muốn chinh những cây sào lửa cho thẳng hàng, người cắm tiêu cắm một cây rọi to, đứng trên cao phất qua phất lại ra hiệu cho người cắm sào tìm đúng vị trí<sup>8</sup>. Gần đây, nhà nghiên cứu Trần Hoàng Vũ đã biên soạn công phu sách *Thoại Ngọc Hầu qua những tài liệu mới*, cho biết cụ thể về việc đào kênh Vĩnh Tế. Ở đợt đầu, tổng số nhân công được huy động là 10.500 người. Số dân binh này làm việc trong vòng 1 tháng, sau đó sẽ có tốp khác đến thay phiên cho họ về nghỉ. Và cũng theo tác giả đã dẫn từ một tài liệu liên quan, qua việc đốt đuốc cắm tiêu mà có lời truyền cho rằng câu ca dao: “Đèn nào cao bằng đèn Châu Đốc. Đất nào dốc bằng đất Nam Vang” đã ra đời trong thời điểm này<sup>9</sup>. Theo thiển ý, xét nội hàm câu ca dao này không phù hợp với lời truyền. Bởi lẽ, việc đào kênh ở Nam Bộ đã được thực hiện từ thời các chúa Nguyễn, chẳng hạn kênh Vưng Gù nối sông Vàm Cỏ Tây với sông Mỹ Tho do Chánh thống Cai cơ Nguyễn Cửu Vân phụ trách năm 1705. Nguyễn Cửu Đàm với Kênh Ruột Ngựa (Rạch Mã Trường) năm 1772. Khi đó, khoa học kỹ thuật còn chưa phát triển, địa hình cây cối lau sậy dày đặc khó quan sát, để thẳng hướng, người phụ trách cắm tiêu phải dùng cây cao và thẳng làm cọc tâm kinh, đứng trên chòi cao xác định đường thẳng theo từng đoạn mà cắm cho đúng. Ở những đoạn xa hay vào ban đêm, người phụ trách phải đốt đuốc làm hiệu để điều chỉnh qua phải hay sang trái. Lại xét về địa hình, vùng đất kênh Vĩnh Tế không cao hơn các nơi khác ở đồng bằng sông Cửu Long. Mặt khác, câu ca dao này có nhiều dị bản, chẳng hạn: “Đèn nào cao bằng đèn Sở Thượng”, “Đèn nào cao bằng đèn chợ Mỹ”, “Đèn nào cao bằng đèn Cầu Lộ”, “Đèn nào cao bằng đèn Ba Vát”. Không phải loại đặc thù chỉ riêng sự vật hiện tượng, nên cho rằng “đèn Châu Đốc”

cao (theo nghĩa đuốc cắm tiêu) là chưa hợp lý. Thèm câu sau “đất Nam Vang” chỉ vị trí cụ thể của Phnôm Pênh, không thể bao hàm vùng đất Châu Đốc – Hà Tiên hay Chân Lạp nói chung. Từ các lý do này, câu ca dao trên không phản ánh sự việc như tài liệu mà tác giả dẫn lại đã nêu.

Do công việc đào kênh vô cùng khó nhọc, nền đất lẫn với đá cứng, khối lượng công việc nhiều mà thời gian gấp rút, công tác hậu cần đôi khi không đảm bảo, dịch bệnh phát sinh, sinh lây nước đục, thú dữ, nhiều dân binh đã bỏ trốn. Theo tương truyền, khi lội qua sông Vàm Nao, họ bị cá sấu và thủy lưc cực mạnh ở sông làm hại, như Bùi Hữu Nghĩa đã cảm nhận lúc qua đây: “Núi Sập sấm rền vang tiếng muỗi. Vàm Nao nước chảy đứt đuôi xà”<sup>10</sup>. Sau đợt một, vua ban khen các chức dịch và cho đào sâu, mở rộng dòng chảy để tuần phòng, bán buôn dễ dàng.

Đợt hai từ ngày mồng 1 tháng 2 đến tháng 5 năm Quý Mùi (1823), chia làm 2 đoạn. Đoạn đầu, từ phía đông Trác Khẩu đến xứ Trà Cục với chiều dài 8.004 tấc, mặt kênh rộng 12 tấc, lòng kênh 10 tấc, sâu từ 5 đến 7 thước. Đoạn sau từ Trà Cục đến tấn Hạch Kỳ. Công việc đợt này do 35.000 dân binh người Việt và hơn 10.000 người Khmer thực hiện. Kết thúc đợt hai, sông đào được hơn 10.500 trượng, chỉ còn lại hơn 1.700 trượng. Vua Minh Mạng thấy mùa mưa lũ sắp tới nên ban lệnh tạm dừng, cho binh dân về. Có chi tiết cần lưu ý, đợt hai cách đợt một gần 3 năm. Sở dĩ gián đoạn như thế vì sau đợt đầu, do nhiều sự việc tác động như dịch bệnh, loạn Tăng Kế, nội bộ triều đình Chân Lạp bất ổn nhà Nguyễn phải lập lại việc bảo hộ, loạn Đê Đô Minh, ... khiến công trình trọng điểm quốc gia này phải đình hoãn.

Đợt ba, NVH cho biết: “Đợt cuối cùng đúng vào tháng 2 năm Giáp Thân (1824). Số lượng bề dài của con kinh còn lại chỉ 1.700 trượng kể từ cuối rạch Giang Thành trở vào tới nơi đã đào xong. Công tác lại tích cực với sự hỗ trợ của Phó Tổng trấn Trần Văn Năng và binh dân bị bắt làm xâu lên tới 25.000 người vừa Miền vừa Việt. Họ hoạt động có khi thâm vào đêm. Đến tháng 5 năm ấy thì xong cả”<sup>11</sup>. Vua ban thưởng cho những người có công (cả quan Chân Lạp). Riêng Thoại Ngọc hầu, vua thấy “bên bờ kinh mới đào có núi Sam y như bên bờ kinh trước kia có núi Sập (tức kênh Thoại Hà, TG), lại xét thấy Thoại Ngọc Hầu phu nhân, dòng họ Châu Vĩnh, nhũ danh Thị Tế, vốn là người

8. Nguyễn Văn Hầu (2020), *Thoại Ngọc Hầu và những cuộc khai phá miền Hậu Giang*, Sđd, tr 146 – 148.

9. Trần Hoàng Vũ (2017), *Thoại Ngọc Hầu qua những tài liệu mới*, Nxb Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh, tr 233, 234.

10. Bùi Hữu Nghĩa, *Đi thuyền qua Thoại Sơn*. Dẫn theo: Nguyễn Đình Đầu (1995), *Tổng kết nghiên cứu địa bạ Nam Kỳ lục tỉnh*, Thống kê, Nxb TP. Hồ Chí Minh, tr 220.

11. Nguyễn Văn Hầu (2020), *Thoại Ngọc Hầu và những cuộc khai phá miền Hậu Giang*, Sđd, tr 149. *Thực lục* cho biết số dân binh đào kênh Vĩnh Tế đợt ba là 24.700 người. Quốc sử quán triều Nguyễn (2022), *Đại Nam thực lục*, Tập 2, Nxb Hà Nội, tr 331.

đàn bà đức độ, từng tận lực giúp chồng trên đường công bộc, cho nên ban đặt tên kinh là Vĩnh Tế Hà và tên núi ở bờ kinh là Vĩnh Tế Sơn<sup>12</sup>. Theo tác giả, vua ban tên Vĩnh Tế cho kênh đào này sau khi đã hoàn thành. Một ý kiến khác lại cho biết: “Ngay lúc đó, con kênh mới khai đào còn chưa hoàn thành, đã được đặt tên là Vĩnh Tế. Vĩnh Tế là tên của bà Châu Vĩnh Tế, vợ Thoại Ngọc Hầu Nguyễn Văn Thoại. Bà có nhiều công lao trong việc giúp chồng đôn đốc, động viên dân binh đốc sức đào vét kênh<sup>13</sup>. Ở đây có sự khác nhau về thời điểm kênh này mang tên Thoại Ngọc hầu phu nhân so với Nguyễn Văn Hầu. Đại Nam thực lục ghi tháng 9 năm Kỷ Mão (1819): “Vét đào đường sông Châu Đốc thông đến Hà Tiên. Cho tên là sông Vĩnh Tế...”<sup>14</sup>. Đại Nam nhất thống chí chép: “Năm Kỷ Mão, Gia Long thứ 18 (1819) đo thẳng từ sau hào Đồn Hữu lên phía Tây vòm Ca Âm đến Kỳ Thọ là 250 dặm rưỡi, đặt tên là sông Vĩnh Tế”<sup>15</sup>. Qua hai sử liệu, tên Vĩnh Tế được đặt trong quá trình thi công, tại thời điểm đọt đào kênh thứ nhất là hợp lý, chứ không phải sau khi đã hoàn thành như NVH đã viết. Điều này khác với kênh Thoại Hà trước đó, sau khi hoàn thành vua mới ban cho tên gọi như sử chép: “Tháng 11 niên hiệu Gia Long thứ 16 [1817], vua sai Trấn thủ trấn Vĩnh Thanh là Thoại Ngọc hầu điều động dân Việt và dân Khmer 1.500 người, cấp cho gạo tiền để đốn chặt cây cối, đào vét cho thông, bề ngang rộng 12 tấc, sâu 4 thước, trong 1 tháng thì xong, thông đường thủy Kiên Giang, dân Việt dân Khmer đều được lợi. Vua ban tên là Thoại Hà để ghi nhớ công lao người bề tôi”<sup>16</sup>. Sau khi hoàn thành đào kênh Vĩnh Tế, vua Minh Mạng cho dựng bia đá ở bờ kênh để lưu lại cho đời sau, đến nay bia vẫn còn.

Đến Ất Mùi (1835), vua Minh Mạng cho đúc 9 chiếc vạc lớn, đặt tên Cao, Nhân, Chương, Anh, Nghi, Thuần, Tuyên, Dụ và Huyền đỉnh. Mỗi vạc nặng hơn, kém 4.000 cân. Xem trong nước có những giống chim, cá, động thực vật, binh khí xe thuyền, thiên văn địa lý đều phỏng theo hình mà đúc ra. Đến tháng 12 năm Bính Thân (1836) hoàn thành. Ngày 25 tháng Giêng năm Đinh Dậu (1837) “đem đến đặt ở trước sân Thế miếu. Trẫm thân đến tế cáo miếu, lễ xong lại thân ra xem xét, thấy 9 cái vạc sừng sững, nguy nga, cao lớn



Bia Vĩnh Tế sơn với nội dung đã được phục chế.  
 Nguồn: <http://vanhoalichsuangiang.blogspot.com/2018/10/bia-vinh-te-son.html>

kiên cố, không chút tỳ vết, hà hồ (sic, hà ố, TG), có thể làm của báu truyền đời để lại cho con cháu đời đời vô cùng vậy”<sup>17</sup>. Ở Cao đình, “khắc các hình: Mặt Trời, biển Đông, núi Thiên Tôn, sông Ngưu Chũ, sông Vĩnh Tế, chim trĩ, con hổ, con ba ba, con rồng, hoa tử vi, quả mít, hạt thóc tẻ, trầm hương, gỗ thiết, cây hành, thuyền nhiều dây, súng lớn”<sup>18</sup>.

Một nghiên cứu gần đây đã nêu ý nghĩa và giá trị của Cửu đỉnh “là biểu tượng cho sự giàu đẹp, thống nhất của đất nước Việt Nam và ước mơ triều đại mãi vững bền. tất cả 162 hình trên Cửu đỉnh là 162 bức chạm độc lập, hoàn chỉnh, là sự kết hợp điều luyện giữa nghệ thuật đúc và chạm nổi đồ đồng của Việt Nam, giữa văn hóa dân gian và văn hóa bác học, là bách khoa toàn thư về cuộc sống con người Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX”<sup>19</sup>. Ngày 1 – 1 – 2012, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định công nhận Cửu đỉnh ở Huế là Bảo vật quốc gia và xây dựng hồ sơ trình UNESCO đề nghị công nhận Di sản ký ức Thế giới.

12. Nguyễn Văn Hầu (2020), *Thoại Ngọc Hầu và những cuộc khai phá miền Hậu Giang*, Sdd, tr 153.

13. Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên) (2017), *Vùng đất Nam Bộ, Tập IV*, Từ đầu thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, tr 233.

14. Quốc sử quán triều Nguyễn (2022), *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sdd, tr 997.

15. Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 2, Sdd, tr 1759.

16. Trịnh Hoài Đức (2019), *Gia Định thành thông chí*, Sdd, tr 107.

17. Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập VIII, Nxb Thuận Hóa, tr 317 – 318.

18. Quốc sử quán triều Nguyễn (2022), *Đại Nam thực lục*, Tập 5, Nxb Hà Nội, tr 21.

19. Phan Thanh Hải (2023), *Tân mạn về Huế - Từ góc nhìn di sản văn hóa*, Nxb Hà Nội, tr 188 – 189.

Nhà nghiên cứu Sơn Nam trong biên khảo *Tìm hiểu đất Hậu Giang và Lịch sử đất An Giang*, khi nhận định tổng quan về các kênh đào Nam Bộ nói chung và An Giang nói riêng, đã nêu: “Trong lịch sử khai khẩn đồng bằng sông Cửu Long, đầu tiên là kinh Bảo Định, nối sông Tiền qua Vàm Cỏ Tây, người đốc suất là Nguyễn Cửu Vân (năm 1705) nhằm nối rạch Mỹ Tho qua ngọn rạch Vưng Cù. Kinh Núi Sập là công trình thứ nhì, theo thứ tự thời gian, kể đến kinh Vĩnh Tế rồi kinh Vĩnh An (Châu Đốc qua Tân Châu). Tóm lại trong 4 con kinh đào, thời Pháp chưa đến, vùng An Giang có đến 3, quan trọng nhất là kinh Vĩnh Tế (...). Bốn con đê mà sử ghi chép, nói chung khá ngắn, nhằm chống lũ lụt, bảo vệ từ núi Sam đến Châu Đốc, nâng cao, mở rộng nhiều đợt. Con đê từ Châu Đốc đến Núi Sam tốn nhiều công sức, đắp cao hơn mặt ruộng (vốn là vùng trũng) để mùa lụt người và ngựa qua lại khô ráo, thêm 4 chiếc cầu gỗ. Qua tấm bia “Tân Lộ Kiều Lương Ký” với lời lẽ mang tính văn học, ta biết nhờ lộ này mà người từ chợ Châu Đốc đi Núi Sam vào mùa lụt khỏi tốn công chèo chống, khỏi phải đi đò, việc chuyên chở thuận lợi (...) Đây là công trình cuối cùng của Thoại Ngọc Hầu, con lộ hoàn thành năm 1827, bia nói trên dựng năm 1828; qua năm 1829 ông mất (...) Việc đào kinh đã tạo cơ sở qui dân lập ấp, khiến dân số và mức sản xuất lúa gạo của An Giang lên cao”<sup>20</sup>.

## 2. Hoạt động thương mại ở Hà Tiên thời họ Mạc

### 2.1. Hà Tiên nội thuộc chúa Nguyễn

Theo sử liệu, sau khi thống trị Trung Quốc, Thanh triều ra quy định “y quan giai nghi tuân ban triều chi chế” (mặc áo quần phải tuân theo chế độ của triều ta), và ra lệnh “Chi phát nghiêm chỉ” bắt dân cắt tóc và theo tục người Thanh bím tóc đuôi sam, “lưu đầu bất lưu phát, lưu phát bất lưu đầu” (để đầu không để tóc, để tóc không để đầu) để bắt buộc người Hán thay đổi phong tục tập quán của mình<sup>21</sup>. Phản đối chính sách cưỡng bức văn hóa đó, nhiều nhóm người Hoa đã bỏ nước di cư đến các quốc gia trong khu vực xin lưu trú. Ở Việt Nam, sau khi tạm cư tại Chân Lạp một thời gian, Mạc Cửu đã đến Hà Tiên.

Về sự kiện Mạc Cửu dâng đất và được phong Tổng binh trấn Hà Tiên thể hiện qua nhiều thư tịch.

*Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* (1806), tài liệu sớm nhất ghi chép vụ việc: “Khi Hiếu Ninh Hoàng đế chinh phục phương nam, có viên tướng nhà Minh là Mạc Thống binh (tức Mạc Cửu, TG) từ phương Bắc đến, đem chừng vài trăm người xin về theo và xin được dùng. Ông đã lập được nhiều chiến công. Sau khi đã khai thác xong, ông xin được ở đất Hà Tiên, Hoàng đế thuận cho, phong chức Thống binh và cử làm Trấn thủ trấn Hà Tiên”<sup>22</sup>. *Mạc thị gia phả* (1818) chép: “Thái Công... bèn sắm sửa thuyền bè, mang theo thuộc hạ và vàng bạc, vóc lùa cùng một tờ biểu văn, ra đến tận cửa khuyết để xin xưng làm phiên thần. Đó là mùa thu tháng 8 năm Giáp Ngọ, Lê triều Tiên Thánh hiếu minh Hoàng Đế năm thứ hai mươi tư. Nam triều Tiên Vương thấy Công tướng mạo khôi ngô, dáng vẻ kiệt kiệt, cử chỉ kính cẩn, khen là người có lòng trung thành, bèn hạ chỉ cho làm thuộc quốc, đặt tên đất Thái Công cai trị là trấn Hà Tiên, phong (cho Thái Công) chức Tổng Binh, ban ấn tín và sai nội thần tiễn Thái Công đến tận cửa ải”<sup>23</sup>. *Gia Định thành thông chí* (1820) cũng xác nhận: “Đến năm Mậu Tý, Hiến Tông Hiếu Minh Hoàng đế năm thứ 17 [1708] (Lê Dụ Tông Vĩnh Thịnh năm thứ 4, Thanh Khang Hy năm thứ 47), mùa thu, tháng 8, sắc phong cho Mạc Cửu làm Tổng binh trấn Hà Tiên, tước Cửu Ngọc hầu. Mới lập dinh thự, đồn binh, đóng ở địa phận Phương Thành, dân theo về ngày càng đông”<sup>24</sup>. Theo Đại Nam thực lục, mồng 1 tháng 8 năm Mậu Tý: “Lấy Mạc Cửu làm Tổng binh trấn Hà Tiên (...) Cửu ủy cho người bộ thuộc là Trương Cầu và Lý Xã dâng thư xin làm Hà Tiên trưởng. Chúa nhận cho, trao cho chức Tổng binh. Cửu xây dựng dinh ngũ, đóng ở Phương Thành, nhân dân ngày càng đến đông”<sup>25</sup>. Đại Nam nhất thống chí để cập vấn đề như sau: “Năm Giáp Ngọ đời Hiến Tông Hiếu Minh Hoàng đế (1714), Cửu xin nội thuộc bản triều, được phong làm Tổng binh trấn Hà Tiên, đóng binh ở Phương Thành, nhân dân ngày càng tụ tập đông đúc”<sup>26</sup>. Từ 5 nguồn sử liệu trên nhận thấy, Lê Quang Định không ghi cụ thể thời gian sự kiện. (Tuy nhiên dịch giả Phan Đăng chú: “Năm 1708 Mạc Cửu xin về với chúa Nguyễn”<sup>27</sup>). Vũ Thế Dinh xác định năm 1715, vì Nguyễn Phúc Chu nối ngôi Chúa năm Tân Mùi (1691), “năm thứ hai mươi tư” như gia phả

20. Sơn Nam (2009), *Tìm hiểu đất Hậu Giang và Lịch sử đất An Giang*, Nxb Trẻ, tr 187 – 188.

21. Dương Văn Huy (2023), *Người Hoa ở Việt Nam thời kỳ nhà Nguyễn trước Pháp thuộc*, Nxb Khoa học xã hội – MaiHaBooks, tr 36.

22. Lê Quang Định (2021), *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, bản dịch Phan Đăng, Nxb Thế giới – Phân viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam tại Huế - Cty Nhã Nam, tr 433.

23. Dinh đức hầu Vũ Thế Dinh (2006), *Mạc thị gia phả*, bản dịch Nguyễn Khắc Thuần, Nxb Giáo dục, tr 17.

24. Trịnh Hoài Đức (2019), *Gia Định thành thông chí*, Sđd, tr 406.

25. Quốc sử quán triều Nguyễn (2022), *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sđd, tr 122.

26. Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 2, Sđd, tr 1776.

27. Lê Quang Định (2021), *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Sđd, chú thích 1, tr 433.

ghi tức là 1715. Trịnh Hoài Đức, Sử quán triều Nguyễn ở *Thực lục* cho biết đó là năm Mậu Tý (1708), nhưng *Nhất thống chí* lại ghi năm Giáp Ngọ (1714). Về sự khác biệt giữa các tài liệu, TMD đã giải thích và đưa ra ý kiến: “Dựa vào những cứ liệu lịch sử như đã trình bày, chúng tôi đoán chừng năm 1700 ông Mạc Cửu tới Mang Khảm (...) Thời gian ấy mới thuận lợi cho Mạc Cửu mua chuộc “vợ vua và bầy tôi yêu quý của vua”, khi Nặc Yên nhờ người Việt Nam giúp sức đánh chiếm Oudong, trở lại ngai vàng, vừa kịp lúc Mạc Cửu đã thần phục Việt Nam năm 1708”<sup>28</sup>. Gần đây, trong Luận án Tiến sĩ của mình, Đỗ Quỳnh Nga đã khẳng định: “Một vấn đề nữa là thời điểm xác định Mạc Cửu dâng đất Hà Tiên cho Đàng Trong cũng được ghi nhận với hai thời điểm khác nhau: năm 1708 và năm 1714./ Những sử liệu mà các bộ sử triều Nguyễn cung cấp có thể cho chúng ta có sự tin cậy cao hơn: Thời điểm Hà Tiên thuộc về Đàng Trong phải là năm 1708. Điều này có lẽ cũng phù hợp với suy luận mang tính logic: năm 1708, Mạc Cửu sai thuộc hạ ra Phú Xuân xưng thần và sau khi được chúa Nguyễn Phúc Chu chấp thuận, năm 1711, ông mới chính thức ra “tạ ơn”. Sự kiện năm 1708 đã tạo điều kiện cho vùng đất rộng lớn từ Kiên Giang cho đến tận Cà Mau thuộc về Đàng Trong”<sup>29</sup>. Từ đó có thể kết luận, Mạc Cửu dâng đất và được phong Tổng binh trấn Hà Tiên là năm Mậu Tý (1708). Đất này còn có tên Mang Khảm và thuộc phủ Sài Mạt xưa.

Như vậy chỉ chưa đến một thập kỷ, hai nhóm người Hoa (Mạc Cửu và Trần Thượng Xuyên - Dương Ngạn Địch) cùng chung nguyên nhân đã đến Đàng Trong xin tỵ nạn chính trị. Với sở trường mậu dịch, sự hợp sức của cộng đồng các dân tộc trong khu vực mà người Việt giữ vai trò chủ lực, vị trí thuận lợi của vùng đất, cùng với Cù lao Phố ở Đồng Nai, Mỹ Tho ở Tiền Giang, Hà Tiên trở thành một trong ba trung tâm thương mại lớn nhất, và là thương cảng hàng đầu trên vùng đất Nam Bộ đã ra đời, mà người khai lập là Tổng binh Cửu Ngọc hầu Mạc Cửu.

## 2.2 Hoạt động thương mại ở Hà Tiên thời họ Mạc

Do vị trí thuận lợi là vùng ven biển, nằm trên tuyến giao thương quốc tế quan trọng từ Nam Á lên Đông Á, dân cư tập trung đông, cùng với biệt tài kinh doanh của họ Mạc, Hà Tiên có lợi thế phát triển kinh tế thương mại và nông lâm thủy hải sản. Sách *Thương*

*cảng cổ Việt Nam*, các tác giả viết: “Cư dân đông đúc chính là điều kiện nền tảng, kết hợp với tài năng kinh doanh, đầu óc tổ chức, có tầm nhìn chiến lược, tận dụng lợi thế của Hà Tiên ở vị trí ven biển rất thuận lợi kết nối giao thương với các vùng xung quanh cũng như các thương thuyền quốc tế giúp Mạc Cửu thực hiện kế hoạch xây dựng Hà Tiên thành một vùng đất phát triển trù phú bậc nhất thời bấy giờ”<sup>30</sup>. Cũng tài liệu trên cho biết, “Mạc Cửu không chỉ chú trọng mở rộng cảng Hà Tiên, đón nhận thuyền buôn các nước đến mà còn chủ động đi buôn bán với bên ngoài. Năm 1728 - 1729, Mạc Cửu đã cử hai đội thuyền buôn của cảng Hà Tiên do Lưu Vệ Quân và Huỳnh Tập Quan chỉ huy sang Nhật Bản giao lưu buôn bán và được chính phủ Nhật Bản là Mạc Phủ Đức Xuyên (Tokugawa) cấp giấy phép giao thương. Cũng năm 1729, một đội thuyền buôn khác của Hà Tiên cũng được phái sang Trung Quốc buôn bán, bắt đầu mối quan hệ giao thương giữa Hà Tiên và Trung Quốc”<sup>31</sup>. Những thuyền buôn từ Hà Tiên đi Nhật Bản, Trung Quốc chở đầy hàng hóa nông lâm thổ thủy hải sản. Điều này được Trịnh Hoài Đức và Sử quán triều Nguyễn đã chép về những sản vật của trấn. Nhà nghiên cứu Sơn Nam trong biên khảo về Hậu Giang cũng viết: “Thương cảng Hà Tiên vô cùng tấp nập, liên lạc với Xiêm, Cao Miên, Việt Nam, Trung Hoa, Mã Lai... Các món hàng xuất cảng là gạo, sáp ong, ngà voi, con đốn đọt, cá khô, tôm khô, thịt bò khô”<sup>32</sup>. Trong những hàng hóa vừa kể, gạo là sản phẩm đứng đầu. Minh chứng cho hoạt động thương mại ngành hàng này, một chuyên khảo cho biết: “Vào những năm 1740, Hà Tiên được biết đến như một trung tâm buôn bán gạo. Tên của nó xuất hiện đều đặn trong các tấu biểu trình lên vua Càn Long trong giai đoạn này. Một tấu biểu trong số đó viết: “Cả Xiêm La và Hà Tiên đều sản xuất nhiều gạo với giá rẻ”. Lọt vào giữa hai khu vực sản xuất gạo, đồng bằng Mê-Kông và lòng chảo Chaophraya, Hà Tiên dễ dàng kiểm soát được nguồn gạo rồi đem giao dịch với các cảng lân bang”<sup>33</sup>. Sau khi Mạc Cửu mất, Mạc Thiên Tứ đã kế thừa thành tựu của cha và phát triển hơn nữa việc kinh doanh. Ông xin lập hai đạo Kiên Giang (Rạch Giá) và Long Xuyên (Cà Mau), Chúa cho thuộc vào trấn Hà Tiên. Khi đó, hoạt động xuất cảng của chợ Rạch Giá không thua kém chợ trấn, như một ghi chép: “Tuy thành lập sau Hà Tiên, chợ Rạch Giá phát triển không kém, nông nghiệp cảng

28. Trương Minh Đạt (2008), *Nghiên cứu Hà Tiên*, Nxb Trẻ - Tạp chí Xưa & Nay, tr 79.

29. Đỗ Quỳnh Nga (2013), *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, tr 96

30. Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam và Viện nghiên cứu Di sản văn hóa biển Quốc gia Hàn Quốc (2020), *Thương cảng cổ Việt Nam*, Phần III, Viện Nghiên cứu Di sản văn hóa biển Quốc gia Hàn Quốc xuất bản, tr 112.

31. Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam và Viện nghiên cứu Di sản văn hóa biển Quốc gia Hàn Quốc (2020), *Thương cảng cổ Việt Nam*, Phần III, Sdd tr 117.

32. Sơn Nam (2009), *Tìm hiểu đất Hậu Giang và Lịch sử đất An Giang*, Sdd, tr 51.

33. Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên) (2017), *Vùng đất Nam Bộ*, Tập IV, Sdd, tr 146.

phồn thịnh, tiếp tế gạo lên Hà Tiên. Rạch Giá lần lần trở nên một thương cảng quốc tế. Ghe buôn Hải Nam, Xiêm... ra vào tấp nập. Sông bạc mọc lên khá nhiều. Người Trung Hoa gồm 2 bang: Lạc Lai (Phước Kiến) và Hải Nam. Người Phước Kiến lo lập vườn; người Hải Nam chuyên lo việc nội thương và xuất nhập cảng<sup>34</sup>. Các tài liệu trên thể hiện Hà Tiên với vai trò thương cảng xuất khẩu các loại hàng hóa đi quốc nội và quốc ngoại. Trong đó công lao của họ Mạc từ khai lập đến phát triển không nhỏ. Nếu Mạc Cửu là người đã phát hiện ra vị trí đặc địa của đất này, thì Thiên Tứ đã đưa Hà Tiên lên vị trí là một trong bốn trung tâm buôn bán lớn nhất ở Đàng Trong, cùng với Đồng Nai, Mỹ Tho và Ba Thắc, như một chuyên khảo đã viết: “Ngoài ra, còn một trung tâm buôn bán khác của Nam Bộ hoạt động khá nhộn nhịp trong thế kỷ XVIII, đó là thương cảng Ba Thắc”<sup>35</sup>.

Một vấn đề liên quan đến hoạt động thương mại ở Hà Tiên thời họ Mạc là sản xuất nông nghiệp và khai thác các sản vật trên vùng đất này. Sau khi kênh Thoại Hà và Vĩnh Tế hoàn thành, một vùng đất nằm trên địa phận ba tỉnh thành Kiên Giang, An Giang và Cần Thơ ra đời với tên gọi *Tứ giác Long Xuyên*. Bốn cạnh của Tứ giác Long Xuyên là biên giới Việt Nam - Campuchia, vịnh Thái Lan, kênh Cái Sắn và sông Hậu. Bốn góc của tứ giác này ứng với bốn thành phố: Châu Đốc, Long Xuyên, Rạch Giá và Hà Tiên ngày nay.

Thời họ Mạc, trấn Hà Tiên theo ghi chép của Trịnh Hoài Đức ở huyện Kiên Giang có ruộng sớm (tháng 4 gieo mạ, tháng 6 cấy, tháng 9 gặt), cây trồng hợp thổ nhưỡng là khoai, bắp, mía, huyện Long Xuyên có ruộng muộn (tháng 5 gieo mạ, tháng 7 cấy, tháng 11 gặt) trồng nhiều mía để nấu đường cát, đường phèn, đường phổi. Lâm thổ sản có mỏ bạc ở núi Chơn Sum, thuốc súng, long diên hương, khô voi, gân nai khô, các loại da (tê, ngựa núi, rái cá, trâu), lông chim trĩ, lông cánh ngỗng biển, quạt lông, linh dương giác, xuyên sơn giáp, mật gấu. Thủy hải sản có hải sâm, đồi mồi, huyễn phách, vi cá, bong bóng cá. Dược liệu có phục linh, củ mài, thổ dương quy, nam bạch trạch, ngư tất, sài hồ, cát căn, nhân trần, kỳ nam, trầm hương, nhục quế. Các loại gỗ sao, dầu, vên vên, gõ, táu, bằng lăng, kiến kiến, ... Cây ăn trái có dứa, mít, xoài, lựu, đu đủ, chuối, thơm khóm. Cá biển gồm nhiều loại như cá voi, cá đao, cá nhám, cá chim trắng, cá đuối, cá hồng,

cá thu, cá ngừ, cá mò, mực, cá khoai, cá bạc má. Cá sông có cá cơm, cá chép, cá tra, cá bông cát, cá lười trâu, cá linh, cá chình, cá trạch, cá trên, cá cóc, cá lóc, cá trê, cá rô, lươn, cùng với ốc, hến, tôm, tép, cua, ... Các loại chim trĩ, công, vịt, gà rừng, le le, công cộc, giang sen, bồ nông, bìm bịp, vịt tàu, vịt xiêm, gà. Các loại thú lớn tê, voi, gấu, cọp, trâu rừng, hươu nai, ...<sup>36</sup>. Sử triều Nguyễn cũng cho biết thổ sản Hà Tiên gồm các loại ngũ cốc, dưa, rau, quả, hoa, cỏ, gỗ, dược liệu, hàng hóa, gia cầm, thú, cá, loài có mai<sup>37</sup>. Có thể thấy ghi chép của *Nhất thống chí là sao lục những điều Gia Định thành thông chí đã thể hiện trước đó*.

Từ năm 1771 về sau, do giặc Xiêm tàn phá nặng nề, Hà Tiên mất vị thế là một trung tâm thương mại lớn của Nam Bộ. Ngoài nguyên nhân trên còn các yếu tố khác dẫn đến sự suy thoái của nơi đây, như một nhận định đã nêu: “Hậu duệ của họ Mạc tuy được Gia Long chiếu cố nhưng thiếu tài kinh bang tế thế, và lại, trọng tâm việc thương mại đã nghiêng hẳn về phía Sài Gòn, Đà Nẵng; việc buôn bán với Cao Miên thì đã có Sa Đéc, Cái Bè. Vua Gia Long cho các tàu buôn và ghe buôn ở hạt Hà Tiên được miễn thuế (1810), đồng thời di chuyển một số quan lại viên chức ở bốn trấn miền trên đến tăng cường cho trấn Hà Tiên, gia tăng binh sĩ để lo việc tuần phòng giặc biển. Năm sau (1811), vua cho Trương Phước Giáo và Bùi Đức Mân đến Hà Tiên để tu chỉnh thành phố, chiêu dụ lưu dân: người Trung Hoa, người Cao Miên, người Chà (gọi là Chà Châu Giang) đều có dành khu vực cư trú riêng, khá phân minh. Tuy nhiên, thương cảng Hà Tiên không sao hưng thịnh được như trước”<sup>38</sup>.

### 3. Kết luận

Vĩnh Tế là kênh đào lớn thứ hai trong lịch sử thời phong kiến Việt Nam chỉ sau kênh nhà Lê (nối Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh, từ kinh đô Hoa Lư đến biên giới Đèo Ngang thời Tiền Lê). Việc đào kênh không như *Sử Cao Miên đã ghi, mà được tiến hành 5 năm (1819 - 1824)*, chiều dài thực tế thi công là 66,5 km. Qua sự việc có thể xác định một câu ca dao tương truyền liên quan đến vùng đất Châu Đốc tân cương không đúng như cách hiểu xưa nay. Theo sử liệu triều Nguyễn, để ban thưởng cho công lao khó nhọc của Thoại Ngọc hầu tử Bảo hộ Chân Lạp, bình khấu Xiêm tặc, đào kênh Thoại Hà, nên khi nối Châu Đốc với Hà Tiên, ngay đợt đầu vua đã dành ân ban cho

34. Sơn Nam (2009), *Tìm hiểu đất Hậu Giang và Lịch sử đất An Giang*, Sđd, tr 60.

35. Trần Đức Cường (chủ biên) (2016), *Lịch sử hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ (Từ khởi thủy đến năm 1945)*, Nxb Khoa học xã hội - DTBooks, tr 155.

36. Trịnh Hoài Đức (2019), *Gia Định thành thông chí*, Sđd, tr 520 - 537.

37. Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 2, Sđd, tr 1794 - 1795.

38. Sơn Nam (2014), *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, Nxb Trẻ, tr 74.

lấy tên Thoại Ngọc hầu phu nhân đặt cho kênh mới. Khi kênh đào xong, đường sông lưu thông, bố phòng biên cương vững chắc, nhân dân buôn bán thuận lợi. Đối với triều đình, hoàn thành kênh Vĩnh Tế là sự nối tiếp chiến lược bảo vệ chủ quyền đất nước của vua Gia Long được Minh Mạng kế thừa. Do đó, vua ban dụ khen: “Đường sông Vĩnh Tế liền với một lộ tân cương, xe thuyền được lợi rất nhiều. Hoàng khảo Thế tổ Cao Hoàng đế ta mưu sâu tính kỹ, để ý đến việc biên cương, buổi đầu đã một lần đào, công việc chưa xong. Trẫm noi theo chí trước, dốc lo làm sao một lần khó nhọc để thông thả lâu dài”<sup>39</sup>.

Một kết quả tốt đẹp phải đảm bảo hai phạm trù *giải pháp và giá trị*. Ở góc độ thứ nhất, sử liệu ghi chép số dân binh hai nước Việt, Chân Lạp đào kênh, số km được hoàn thành, trong đó lợi dụng được bao nhiêu số km sông có sẵn khỏi đào,... nhất là số người không chịu được sự khắc nghiệt của lam sơn chướng khí, thú dữ đã bỏ mạng tại công trường hoặc trên đường bỏ trốn. Về sau triều đình cho quy tập phía sau làng Thoại Ngọc hầu gọi chung là “nghĩa trũng”. Hậu nhân ngoài việc thừa nhận về tính hiệu quả của công trình, cũng không khỏi bùi ngùi cho những người dân vì đó mà vong thân. Ở góc độ thứ hai, về giá trị của kênh Vĩnh Tế, một nhận định đã nêu: “Việc đào xong kinh Châu Đốc - Hà Tiên đã được thời nhân (tức người đương thời, TG) xem là một thành quả to tát. Dân chúng mừng vì lợi việc thông thương. Giới chức biên phòng nhẹ bớt gánh nặng nhờ có đường nước án ngữ. Riêng vua Minh Mạng thì lấy làm mãn nguyện vì nối được chí cha và đã đạt được một quốc sách”<sup>40</sup>. Ý kiến trên đã nêu ba giá trị của kênh đào, đồng thời cũng thể hiện chính sách *cổ phòng thủ* của triều Nguyễn. Chính sách này được kế thừa, nâng lên thành hệ thống lý luận trong *Minh Mệnh chính yếu và Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ đã ghi chép*.

Lịch sử ngoài phản ánh hiện thực còn có ý nghĩa mang tính kế thừa. Nếu năm 1824, Vĩnh Tế Hà - kênh đào lớn nhất, quan trọng nhất thời triều Nguyễn ở Nam Bộ hoàn thành, thì cũng trên vùng đất này, những thập kỷ cuối thế kỷ XX, kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng ở Đồng Tháp - Long An, kênh T5 ở An Giang mang dấu ấn của cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt là sự kế thừa của hậu thế như ý kiến: “Nhìn về lịch sử triều Nguyễn trải gần 150 năm, ít có vị danh

tướng nào như hai vợ chồng Thoại Ngọc Hầu - Châu Vĩnh Tế, sau khi mất được người dân trong vùng và cả Nam bộ chăm sóc mộ phần, hương khói ấm áp quanh năm như đền thờ Thoại Ngọc Hầu, tại chân núi Sam./Với ý nghĩa đó, vào những năm 1985 - 1992 nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã tiếp tục phát huy những sáng tạo to lớn của nhân dân ta từ đầu thế kỷ XIX, chỉ đạo tỉnh An Giang, làm tiếp các con kênh trong vùng Tứ giác Long Xuyên và nay đã và đang phát huy tác dụng cao nhất”<sup>41</sup>.

Hơn 300 năm (1708 - 2024) sau khi được Mạc Cửu dâng đất Hà Tiên, chúa Nguyễn đã dành cho họ Mạc sự biệt đãi trên nhiều lĩnh vực. Nhờ đó vùng đất này từ buổi đầu khai lập đến giữa thế kỷ XIX có những chuyển biến quan trọng. Nếu Mạc Cửu là người phát hiện ra Hà Tiên và đem vùng đất này về với chúa Nguyễn, thì Mạc Thiên Tứ đã nâng vị thế nơi đây lên một tầm cao mới, là nơi thịnh vượng về giao lưu hàng hóa, từ trung tâm buôn bán lớn nhất Đông Nam Á (Xiêm La) kết nối với Đông Dương, Trung Quốc, Nhật Bản. Với lịch sử hơn 300 năm hình thành và phát triển, vùng đất Hà Tiên đã trải qua biết bao thăng trầm. Từ nơi ven biển cuối trời, nơi đây đã thay đổi diện mạo, là một trong bốn trung tâm thương mại lớn nhất Nam Bộ lúc bấy giờ. Hiện nay, Hà Tiên đã khoác lên mình chiếc áo mới “Thành phố biển”, điểm đến tiềm năng của các nhà đầu tư.

Tròn 200 năm hình thành (1824 - 2024), kênh Vĩnh Tế vẫn đứng chắn đầu nguồn biên giới Việt Nam - Campuchia làm nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, vẫn là tuyến giao thông thủy quan trọng thúc đẩy mậu dịch nội địa và quốc tế, vẫn là nơi cư trú của người Việt cùng với cộng đồng các dân tộc Khmer, Hoa, Chăm từ thời mở đất. Những dấu ấn lịch sử và văn hóa trên vùng đất này đã tạo nên sự đa dạng trong thể thống nhất của quốc gia dân tộc Việt Nam. Tìm hiểu kênh Vĩnh Tế để nhận thức thêm công lao của tiền nhân về một công trình mang tầm quốc gia đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Lịch sử và hiện tại đã được kế thừa, tiếp nối, hòa quyện với nhau trong một tiến trình thống nhất. Những ngày xuân đến, bèn tách trà và bánh mứt, tìm hiểu về lịch sử hình thành kênh Vĩnh Tế và các hoạt động thương mại ở Hà Tiên thời họ Mạc là một hoạt động ôn cố tri tân không kém phần lý thú vậy!./.

39. Quốc sử quán triều Nguyễn (2022), *Đại Nam thực lục*, Tập 2, Sdd, tr 239.

40. Nguyễn Văn Hầu (2020), *Thoại Ngọc Hầu và những cuộc khai phá miền Hậu Giang*, Sdd, tr 149 - 150.

41. Phạm Bá Nhiều, Thoại Ngọc Hầu từ Trấn thủ Vĩnh Thanh đến công trình khai phá kênh Thoại Hà đầu thế kỷ XIX, trong: Hội KHLN An Giang - Huyện ủy, UBND huyện Thoại Sơn, *Tọa đàm khoa học Thoại Ngọc Hầu Nguyễn Văn Thoại với những dấu ấn văn hóa - lịch sử để lại trên vùng đất Thoại Sơn*, Thoại Sơn, ngày 17-4-2021, tr 11.



### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam và Viện nghiên cứu Di sản văn hóa biển Quốc gia Hàn Quốc (2020), *Thương cảng cổ Việt Nam, Phần III*, Viện Nghiên cứu Di sản văn hóa biển Quốc gia Hàn Quốc xuất bản.
- Trần Đức Cường (chủ biên) (2016), *Lịch sử hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ (Từ khởi thủy đến năm 1945)*, Nxb Khoa học xã hội – DTBooks.
- Đinh đức hầu Vũ Thế Dinh (2006), *Mạc thị gia phả*, bản dịch Nguyễn Khắc Thuần, Nxb Giáo dục.
- Trương Minh Đạt (2008), *Nghiên cứu Hà Tiên*, Nxb Trẻ - Tạp chí Xưa & Nay.
- Nguyễn Đình Đầu (1995), *Tổng kết nghiên cứu địa bạ Nam Kỳ lục tỉnh*, Thống kê, Nxb TP. Hồ Chí Minh.
- Lê Quang Định (2021), *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, bản dịch Phan Đăng, Nxb Thế giới – Phân viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam tại Huế - Cty Nhã Nam.
- Trịnh Hoài Đức (2019), *Gia Định thành thông chí*, bản dịch Phạm Hoàng Quân, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- Phan Thanh Hải (2023), *Tản mạn về Huế - Từ góc nhìn di sản văn hóa*, Nxb Hà Nội.
- Nguyễn Văn Hầu (2020), *Thoại Ngọc Hầu và những cuộc khai phá miền Hậu Giang*, Nxb Khoa học xã hội – Tạp chí Xưa & Nay.
- Dương Văn Huy (2023), *Người Hoa ở Việt Nam thời kỳ nhà Nguyễn trước Pháp thuộc*, Nxb Khoa học xã hội – MaiHaBooks.
- Lê Hương (1970), *Sử Cao Miên*, Nxb Khai Trí.
- Hội KHLS An Giang – Huyện ủy, UBND huyện Thoại Sơn, *Tọa đàm khoa học Thoại Ngọc Hầu Nguyễn Văn Thoại với những dấu ấn văn hóa - lịch sử để lại trên vùng đất Thoại Sơn*, Thoại Sơn, ngày 17-4-2021.
- Sơn Nam (2009), *Tim hiểu đất Hậu Giang và Lịch sử đất An Giang*, Nxb Trẻ.
- Đỗ Quỳnh Nga (2013), *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
- Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên) (2017), *Vùng đất Nam Bộ, Tập IV*, Từ đầu thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
- Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập VIII, Nxb Thuận Hóa.
- Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 2, Nxb Lao động – Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây.
- Quốc sử quán triều Nguyễn (2022), *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Nxb Hà Nội.
- Quốc sử quán triều Nguyễn (2022), *Đại Nam thực lục*, Tập 2, Nxb Hà Nội.
- Quốc sử quán triều Nguyễn (2022), *Đại Nam thực lục*, Tập 5, Nxb Hà Nội.
- *Tạp chí Xưa & Nay*, số 543, tháng 9 – 2022.
- Trần Hoàng Vũ (2017), *Thoại Ngọc Hầu qua những tài liệu mới*, Nxb Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh.